

Bản án số: 16/2018/HS-ST  
Ngày 20-4-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Tuấn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Võ Văn Việt.*

***- Thư ký phiên toà: Ông Y Thanh Lâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.***

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS, ngày 07/3/2018 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác: T), sinh năm 1997 tại tỉnh Đăk Lăk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1963; về nhân thân: Ngày 08/9/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 686/QĐ-UB-NC đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 11/7/2013. Ngày 24/8/2017 thực hiện hành vi "Cướp tài sản", bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 07 năm tù tại Bản án số 16/HSST ngày 13/3/2018; bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vắng mặt.

**2. Đặng Văn C**, sinh năm 1998 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học

vấn): 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N, sinh năm 1976 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1980; bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

*Bị hại:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- NLQ 1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLQ 2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLQ 3, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

*Người làm chứng:*

- Anh Kha Văn Nhất, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Hà Nhâm, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Thanh T là người làm thuê cho anh Phạm Văn Sơn. Khoảng 15 giờ ngày 13/4/2017, anh Sơn giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 37D1- 054.60 (xe này anh Sơn mua lại của anh Kha Văn Nhất) cho T để làm phương tiện đi làm rẫy cà phê cho anh Sơn. T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh S nên đã điều khiển xe đến gặp Đặng Văn C (là bạn của T), nhờ C cầm cố hộ chiếc xe để lấy tiền tiêu xài. C hỏi T về nguồn gốc của chiếc xe thì T trả lời là xe của người khác cầm cố cho anh S, do T đang cần tiền nên nhờ C cầm cố hộ và cũng nói sau khi cầm cố xe xong T sẽ bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh không quay lại nhà anh S nữa. C đồng ý cầm cố xe giúp cho T rồi cùng T điều khiển xe đến cửa hàng tạp hóa của NLQ 1, T đứng ở ngoài đợi, còn C đi vào cửa hàng trao đổi với NLQ 1 về việc cầm cố xe, do C không có chứng minh nhân dân nên NLQ 1 không đồng ý nhận cầm cố. C nói cho T biết lý do không cầm cố được xe, sau đó T nói với C là nếu cầm cố được xe T sẽ chia cho C một nửa số tiền. C hỏi T có chuộc xe ra không thì T nói không chuộc lại xe, sau đó C gọi điện thoại cho NLC 2 nhờ mang theo chứng minh nhân dân để cầm cố hộ T chiếc xe mô tô trên. Khi NLC 2 hỏi C về nguồn gốc xe mô tô, C nói là xe của T nên NLC 2 đồng ý và dùng giấy chứng minh

nhân dân của NLC 2 cầm cố xe cho NLQ 1 được 6.000.000 đồng; NLQ 1 và NLC 2 lập 01 giấy biên nhận về việc cầm cố xe có ghi thời hạn cầm cố xe từ ngày 13/4/2017 đến ngày 13/5/2017. Trên đường đi ra thị xã GN C đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng, giữ lại 3.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau đó T đón xe khách đi thành phố Hồ Chí Minh, trước khi đi T nói với C nếu bị bắt thì đừng khai ra T.

Quá thời hạn ghi trong giấy biên nhận không thấy có người quay lại lấy xe nên NLQ 1 đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37D1-054.60 cho NLQ 2 với số tiền 7.500.000 đồng; sau đó NLQ 2 bán lại chiếc xe cho NLQ 3 với số tiền 10.700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đăk Glong xác định giá trị của xe mô tô BKS 37D1-054.60 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án thu giữ được: Xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô BKS 37D1- 054.60; giấy biên nhận về việc cầm cố xe mô tô BKS 37D1- 054.60.

Tại bản cáo trạng số 11/CTr-VKS, ngày 26/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản "; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù; áp dụng Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 13/3/2018 của TAND huyện Bến Lức, tỉnh Long An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung; vật chứng của vụ án là xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô BKS 37D1-054.60 đã được trả lại chủ sở hữu hợp pháp, giấy biên nhận về việc cầm cố xe mô tô BKS 37D1-054.60 lưu hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét xử lý; buộc bị cáo phải bồi thường cho NLQ 1 6.000.000 đồng; NLQ 1, anh S, NLQ 2 và NLQ 3 đã tự thỏa thuận về số tiền mua bán xe với nhau nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của

đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo Đặng Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo, đề nghị của bị cáo là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Lời khai của C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo T trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của anh Phạm Văn S khi được giao cho mượn xe mô tô BKS 37D1- 054.60, Nguyễn Thanh T nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 15 giờ ngày 13/4/2017, T đã trao đổi ý định cầm cố xe sau đó bỏ đi khỏi địa phương với C và nhờ C đứng ra cầm cố xe đồng thời hứa hẹn chia cho C ½ số tiền cầm cố được. Khi không tự cầm cố được xe, C đã nhờ NLC 2 đứng ra cầm cố xe cho NLQ 1 được 6.000.000 đồng. C đã đưa cho T 3.000.000 đồng, giữ lại 3.000.000 để tiêu xài; sau đó T bỏ trốn đến Tp.Hồ Chí Minh. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

*"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ*

*trốn để chiếm đoạt tài sản đó".* Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Trong vụ án giữa các các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Thanh T là người khởi xướng nên có vai trò chính, Đặng Văn C là đồng phạm với vai trò giúp sức. Nguyễn Thanh T đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong ngày 11/7/2013), ngày 24/8/2017 tiếp tục thực hiện hành vi "Cướp tài sản". Việc cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục là cần thiết.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa (đối với bị cáo Đặng Văn C) các bị cáo đã thành khẩn khai báo đồng thời ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6]. NLC 2, NLQ 1 khi cầm cố và nhận cầm cố xe, bán xe cho NLQ 2 không biết mục đích và hành vi của các bị cáo; anh Đức và NLQ 3 khi mua lại xe mô tô BKS 37D1-054.60 không biết xe có nguồn gốc do phạm tội mà có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý về trách nhiệm hình sự đối với NLC 2, NLQ 1, NLQ 2 và NLQ 3.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: NLQ 1 yêu cầu các bị cáo phải trả lại 6.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới trả lại số tiền trên cho NLQ 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 584 và Điều 587 của Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho NLQ 1 3.000.000 đồng. Các bị cáo phải chịu tiền lãi đối với số tiền phải trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. NLQ 2, NLQ 3 không có yêu cầu đối với số tiền mua bán xe nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô BKS 37D1- 054.60 cho anh Phạm Văn S, việc xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với giấy biên nhận về việc cầm cố xe mô tô BKS 37D1-054.60 cần lưu hồ sơ vụ án.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 09 (*chín*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 07 (*bảy*) năm tù tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (*bảy*) năm 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2017.

1.2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn C** 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**2. Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 584 và Điều 587 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho NLQ 1 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 (*ba triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Xử lý vật chứng:** Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô BKS 37D1- 054.60 cho anh Phạm Văn S. Lưu hồ sơ giấy biên nhận về việc cầm cố xe mô tô BKS 37D1-054.60.

**4. Án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đặng Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Vũ Văn Tuấn**